TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **417**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 10-8-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đồng Tình

Bà Trương Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 10 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 689/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 696/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bao Thị L, sinh năm 1986 (xin vắng mặt)

Căn cước công dân số: 096186013254, cấp ngày 30/12/2025.

Cư trú tại: Ấp G, xã C, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Trương Tình L1, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp G, xã C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Bao Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Bao Thị L và anh Trương Tình L1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau ngày 08/6/2012. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và quản lý tài chính trong gia đình dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh L1.

Về con chung: Chị L và anh L1 có 02 người con chung gồm Trương Diễm M

(nữ), sinh ngày 09/6/2008 hiện nay đã trưởng thành và Trương Duy K (nam), sinh ngày 06/4/2013. Khi ly hôn, chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng Duy Khanh, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L và anh L1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Trương Tình L1 đúng theo quy định pháp luật, nhưng anh L1 không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 08/7/2026, nguyên đơn chị Bao Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật; bị đơn anh Trương Tình L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh L1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau ngày 08/6/2012 (nay là xã N, tỉnh Cà Mau) đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L1 được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị L, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, anh L1 vắng mặt không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với chị L. Quá trình chung sống, chị L và anh L1 phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân từ tháng 01/2026 đến nay; hiện nay chị L không còn tình cảm yêu thương anh L1 và quyết tâm mong muốn được ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh L1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh L1.

[3] Về con chung: Khi ly hôn, chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng Trương Duy K (nam), sinh ngày 06/4/2013, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến nay. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, anh L1 không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về quyền nuôi con. Cho nên để bảo đảm quyền lợi của con chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử xem xét trên cơ sở nguyện vọng của con chung mong muốn tiếp tục sống chung với chị L và điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn của chị L vẫn bảo đảm, cuộc sống ổn định nên cần giao

cháu Trương Duy K, sinh năm 06/4/2013 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị L không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh L1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bao Thị L ly hôn với anh Trương Tình L1.

2. Về con chung: Giao con chung Trương Duy K (nam), sinh ngày 06/4/2013 cho chị Bao Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Trương Tình L1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bao Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Bao Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ngày 19/6/2026, chị Bao Thị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai số 0008198 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- UBND xã N, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Dương Minh Út